

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bá**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Quốc Phong E**, sinh năm 1988. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Yến L**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Bùi Quốc Phong E** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị Yến L** xây dựng hôn nhân vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/01/2014, thời gian chung sống được 01 tháng, trong thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, sau không hạnh phúc vì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện anh **Phong E** có nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai,

đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình.

Tại bản tự khai ngày 20/9/2017, bị đơn chị Nguyễn Thị Yến L trình bày: Chị và anh Phong E kết hôn vào ngày 13/01/2014, có đăng ký kết hôn tại xã T, thời gian chung sống được 01 tháng thì thôi cho đến nay do sống không hợp nhau. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Phong E. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phong E vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Yến L. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Yến L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh Phong E. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Yến L có đơn xin vắng mặt ngày 20/9/2017. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Bùi Quốc Phong E và chị Nguyễn Thị Yến L thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 vào ngày 13/01/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh Phong E và chị Yến L là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Phong E và chị Yến L sống hạnh phúc được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc, không còn tình cảm và nội dung sự việc được Toà án thụ lý và ra giấy triệu tập hợp lệ mời các đương sự đến để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị Yến L không đến tham gia phiên hoà giải, có đơn xin vắng mặt và đồng ý ly hôn với anh Phong E. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh Phong E và chị Yến L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh Phong E là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Phong E và chị Yến L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Anh Phong E và chị Yến L xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Bùi Quốc Phong E phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Bùi Quốc Phong E. Xử cho anh Bùi Quốc Phong E ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Bùi Quốc Phong E nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Phong E đã nộp theo biên lai thu số 0014005 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, anh Phong E không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Tr;
 - THADS huyện Tr;
 - UBND xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 ngày 13/01/2014);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm